

**ID VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT**

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/12/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+RP1+RP3	7:25	18+0+0	0+0+0		15+6+1	0+0+0	
2		P9+TD1+P11	9:25	6+13+0	0+0+0		1+19+2	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: CLO - RP1 - RP3	CREW: HUNG - M.ĐỨC - MQUÂN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/4802	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BUI ĐỨC LUAN	CLO	30-31	2	8			75	KHOAN	Vietnamese
2	PHAN CÔNG PHU	CLO	32	1	7			84	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN TRUNG THANH	CLO	20	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	23	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC LY	CLO	22	1	6			80	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HUY THAI	CLO						76	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN ĐÌNH HAI *	CLO	29	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM NGỌC HAI *	CLO	46	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC KHÔI	CLO	26-27	2	20			67	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN KIM HÙNG	CLO	21	1	12			74	KHOAN	Vietnamese
11	TRƯỜNG VĂN THỌ	CLO	28	1	4			79	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM TIẾN VINH	CLO	37	1	14			84	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN ĐỨC THĂNG	CLO	39	1	12			61	KHOAN	Vietnamese
14	VU THANH CÔNG	CLO	38	1	8			67	KHOAN	Vietnamese
15	KRISHNA MOORTHY VASANTHAMANI	CLO	35-36	2	19			78	BAKER HUC	Malaysian
16	LÊ CÔNG TRĂNG	CLO	33-34	2	18			67	BAKER HUC	Vietnamese
17	LÊ MINH PHƯƠNG	CLO	24-25	2	13			60	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN CUÔNG	CLO	18	1	3	6	110	57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	18	1.303	22	160	6	110	15		
2	RP1	0	0	0	0	2	25	6		
3	RP3	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		18	1.303	22	160	8	135	22		
WEIGHT KG			1.303		160		135			

GRAND TOAL: 1.598 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THÙY

CREW

LÊ QUÝ HUNG
 NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: P9 - TD1 - P11	CREW: HUNG - M.ĐỨC - MQUÂN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 2	VNHS FLIGHT: TM25/4803		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN QUANG HOAN*	P9	51	1	5	1	18	79	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN HAI NAM	P9	46-47	2	18	1	19	65	DVL	Vietnamese
3	ĐOÀN MINH HƯƠNG	P9	48-49	2	14			60	DVL	Vietnamese
4	PHẠM VĂN CUÔNG	P9	52-53	2	19			83	DVL	Vietnamese
5	PHAN TRƯỞNG GIANG*	P9	42-44	3	17			76	DVL	Vietnamese
6	ĐÀO VĂN KHOA	P9	54	1	8			59	PSV	Vietnamese
7	PHẦN VIỆT HUNG	TD1	03	1	6			73	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM CÔNG TIẾN	TD1	800	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	TD1	04	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
10	MAI XUAN TUNG	TD1	06	1	3			75	KHOAN	Vietnamese
11	BUI QUỐC GIA	TD1	07	1	6			76	KHOAN	Vietnamese
12	ZHARIKOV V. A.	TD1	08	1	12			71	KHOAN	Russian
13	MARTYNOV M. IU	TD1	09	1	15			112	ANTOAN	Russian
14	HOANG VĂN MINH	TD1	01	1	3			67	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ MẠNH HAI	TD1	05	1	7			78	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN QUANG SANG	TD1	02	1	3			53	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN GIN	TD1	12	1	14			67	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	TD1	10	1	11			80	KHOAN	Vietnamese
19	NGÔ THANH SƠN*	TD1	11	1	12			79	DVL	Vietnamese
20	TRẦN KHÁC MẠNH	TD1	99	1	4			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	6	422	11	81	2	37	2		
2	TD1	14	1.033	14	102	0	0	19		
3	P11	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		20	1.455	25	183	2	37	22		
WEIGHT KG			1.455		183		37			

GRAND TOAL: 1.675 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGUYỄN MINH ĐỨC



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/12/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD8	7:25	21	0				
2		P3+P11+P2	7:25	6+16+0	0+0+0		0+19+3	0+0+0	
3		PVD8+P10	7:25	19+1	0+0		17+5	0+0	
4		MRM+PVD8	9:25	16+3	0+0		6+15	0+0	
5		TD3+TD2	9:25	1+20	0+0		0+21	0+0	
6		RC5+RC6+MRM	9:25	3+8+9	0+0+0		1+0+21	0+0+0	chuyen 2 RC5-RC6
7		BK4+P11	11:25	5+17	0+0		4+16	0+0	
8		RP1+BK8+P3	11:25	11+5+0	0+0+0		4+4+8	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày P3-6ng, PVD8-Ing



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO: PVD8	CREW: NAM - HUNG - HUY	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/4814	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	CAO THE TRONG	PVD8	45-46	2	17	6	84	74	DMC-MI	Vietnamese
2	TÔ BÙU DÂN	PVD8	26	1	9			68	INTL.SOS	Vietnamese
3	PHẠM TRỌNG HÙNG	PVD8	42	1	5			73	PVDO	Vietnamese
4	NGUYỄN THAI HỢP	PVD8	22-23	2	18			63	PVDO	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC LÊ	PVD8	10	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH HIỆU	PVD8	63	1	15			84	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ TRỌNG HÙNG	PVD8	19,61	2	20			74	XAYLAP	Vietnamese
8	LƯU BA XÔ	PVD8	24-25	2	17			81	DVL	Vietnamese
9	NGUYỄN CAO TRUNG	PVD8	20-21	2	16			67	PVD LOGG	Vietnamese
10	STEPHEN GARETH BARTLEY	PVD8	40-41	2	20			104	PVD DD	British
11	NGUYỄN VĂN HUÂN	PVD8	37	1	11			78	PVD DD	Vietnamese
12	PHẠM THANH THUẬN	PVD8	38-39	2	12			96	PVD DD	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	PVD8	11-12	2	16			67	PVD DD	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU PHÚ	PVD8	28-30	3	15			71	PVD TECH	Vietnamese
15	LÊ VĂN QUYẾT	PVD8	36	1	7			61	PVD TECH	Vietnamese
16	ĐOÀN MINH DƯƠNG	PVD8	34-35	2	11			63	PVD TECH	Vietnamese
17	ĐOÀN NGỌC LAN	PVD8	33	1	9			68	PVD TECH	Vietnamese
18	ĐỖ VĂN ĐIỆP	PVD8	43-44	2	13			67	PVD TECH	Vietnamese
19	PHẠM VĂN HOÀ	PVD8	31-32	2	8			63	PVD TECH	Vietnamese
20	HOANG GIA KHÔI	PVD8	27	1	6			58	PVDO	Vietnamese
21	LÊ DUY KHÁNH	PVD8	62	1	3			53	PVDO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	21	1.502	34	255	6	84	22		
TOTAL		21	1.502	34	255	6	84	22		
WEIGHT KG			1.502		255		84			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

TRẦN HỒNG NAM

LÊ QUÝ HUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: VANG-1	TO: P3 - P11 - P2	CREW: VTHẮNG - SON - HIẾU	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/4817	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN SỞ	P3	01	1	3			67	XNKT	Vietnamese
2	HỒ NGỌC HÙNG	P3						67	XNKT	Vietnamese
3	BUI NGOC PHONG	P3	02	1	7			65	LAM HONG	Vietnamese
4	BUI KIEN ĐỨC	P3	03-05	3	13			87	SGC	Vietnamese
5	LÊ HỒNG ĐẠI	P3						76	D-HANH	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN DUNG	P3	06	1	2			65	NIPI	Vietnamese
7	DUONG DIỆP PHI	P11						77	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ VĂN DOANH	P11						72	KHOAN	Vietnamese
9	CAO ĐÌNH THANH	P11	86	1	3			59	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN HẬU	P11	58	1	2			73	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN LÊ KIẾN	P11	68	1	6			75	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU NAM	P11	59	1	6			83	KHOAN	Vietnamese
13	HUYNH ĐĂNG HOAI THANH	P11	62-63	2	13			83	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI XUÂN QUANG	P11	60-61	2	20			77	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐOÀN NGUYỄN MINH TRƯỞNG	P11	600	1	8			79	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG NHẬT QUANG	P11	67	1	2			57	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HUYNH	P11	64	1	4			66	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN HUY PHÚC	P11	66	1	4			60	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN THUẬN	P11	65	1	6			65	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN TIỀN HOA	P11	87-88	2	8			83	KHOAN	Vietnamese
21	BUI NGOC TU	P11	69	1	8			68	KHOAN	Vietnamese
22	HUYNH TRUNG NGHĨA	P11	85	1	5			67	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P3	6	427	6	25	0	0	0		
2	P11	16	1.144	17	95	0	0	19		
3	P2	0	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	1.571	23	120	0	0	22		
WEIGHT KG			1.571		120		0			

GRAND TOAL: 1.691 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: TRANG-1	TO: PVD8 - P10	CREW: LHM - T.HIEU - TDUNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/4820	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐẶNG BÁ HUY	PVD8	50	1	4			76	PVDO	Vietnamese
2	NGUYỄN ANH HUNG	PVD8	53	1	4			67	PVDO	Vietnamese
3	TRẦN VIỆT NAM	PVD8	58	1	4			70	PVDO	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HOÀ	PVD8	62	1	4			74	PVDO	Vietnamese
5	LƯƠNG THẾ PHÚC	PVD8	56	1	12			80	PVDO	Vietnamese
6	ĐOÀN VĂN CÔNG *	PVD8	57	1	8			59	PVDO	Vietnamese
7	HOANG CÔNG THẮNG	PVD8	54	1	5			61	PVDO	Vietnamese
8	PHAN VĂN TRINH	PVD8	63	1	8			71	PVDO	Vietnamese
9	BART JOHANNES KOK	PVD8	51-52	2	13			102	PVD DD	Netherlander
10	NGUYỄN TIẾN DŨNG	PVD8	59-60	2	15			91	PVDWS	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN DUẬN	PVD8	55	1	11			72	PVDWS	Vietnamese
12	CAO VĂN THẮNG *	PVD8	61	1	13	3	37	69	PVDWS	Vietnamese
13	KARPUNIN ALEKSEY	PVD8	652	1	14			99	KHOAN	Russian
14	TRƯƠNG VĂN TRE	PVD8	48	1	10	1	14	69	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAN HUY THƯƠNG *	PVD8	650-651	2	20			86	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAN VĂN BÁC	PVD8	47	1	11			64	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM VĂN LUÔNG	PVD8	46	1	6			64	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG ANH	PVD8	43	1	8	1	16	91	XAYLAP	Vietnamese
19	HUYNH TÂN QUỐC *	PVD8	44-45	2	12			69	NHATHAU	Vietnamese
20	LÊ NGỌC VINH	P10	82	1	7			58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	19	1.434	23	182	5	67	17		
2	P10	1	58	1	7	0	0	5		
TOTAL		20	1.492	24	189	5	67	22		
WEIGHT KG			1.492		189		67			

GRAND TOAL: 1.748 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

LƯU THANH HẢI
LÊ TRUNG HIẾU





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: NAU-2	TO:MRM - PVD8	CREW: NAM - HUNG - HUY	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/4815	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN VIET TRUNG	MRM	05	1	12			84	KHOAN	Vietnamese
2	LE NGUYEN THANH MINH	MRM	08-09	2	14			83	KHOAN	Vietnamese
3	KIRICHENKO K.P.	MRM	06-07	2	19			83	KHOAN	Russian
4	DROZDOV ANDREI	MRM	18-19	2	10			89	AMHGP	Russian
5	IAMASHEV ALBERT	MRM	12	1	6			78	AMHGP	Russian
6	DIACHUK DMITRII	MRM				1	27	66	AMHGP	Russian
7	TARANENKO ALEKSEI	MRM	27	1	15			120	AMHGP	Russian
8	KUCHMII EGOR	MRM	24-25	2	20			115	AMHGP	Russian
9	KHLEBNIKOV DMITRII	MRM	15	1	7			84	AMHGP	Russian
10	ZHULIANOV DMITRII	MRM	21	1	11			99	AMHGP	Russian
11	SUKHANOV EGOR	MRM	26	1	11			110	AMHGP	Russian
12	TRON KIRILL	MRM	13-14	2	14			87	AMHGP	Russian
13	BORODIN ARTUR	MRM	16-17	2	13			91	AMHGP	Russian
14	KUZNETSOV VLADIMIR	MRM	10-11	2	19			101	AMHGP	Russian
15	KAZACHKOV DENIS	MRM	20	1	15			111	AMHGP	Russian
16	TRAN NGOC MINH	PVD8	91-92	2	9			65	PVD TECH	Vietnamese
17	NGUYEN DUC LONG	PVD8	93	1	8			51	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	15	1.401	21	186	1	27	7		
2	PVD8	2	116	3	17	0	0	14		
TOTAL		17	1.517	24	203	1	27	21		
WEIGHT KG			1.517		203		27			

GRAND TOAL: 1.747 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

TRẦN HỒNG NAM

LÊ QUÝ HUNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: TD3 - TD2	CREW: VTHĂNG - SON - HIẾU	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/4818	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ZHDANOV VLADIMIR	TD3	500	1	17			134	KHOAN	Russian
2	PHẠM VIỆT DŨNG	TD2	74	1	4	2	23	65	KHOAN	Vietnamese
3	BUI NGOC DUNG*	TD2	57	1	5	2	30	79	KHOAN	Vietnamese
4	VƯƠNG ĐÌNH LIÊN	TD2	63	1	4			61	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	TD2	54	1	10			75	KHOAN	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN CƯỜNG	TD2	53	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
7	DOAN VAN HUNG	TD2	73	1	6			53	KHOAN	Vietnamese
8	NGÔ QUANG HUNG	TD2	72	1	13			76	KHOAN	Vietnamese
9	CAO VĂN LỢI	TD2	67	1	3			67	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VINH TINH	TD2	69	1	6			52	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM VĂN HIẾU	TD2	60-61	2	10			73	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ PHÚ	TD2	51	1	5			64	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN THAI AN*	TD2	70-71	2	20			70	DVL	Vietnamese
14	USATENKO D.S.	TD2	68	1	13			97	DVL	Vietnamese
15	ĐẶNG VĂN CHUNG	TD2	62	1	19			78	DVL	Vietnamese
16	PHAN VINH TRUONG	TD2	64	1	12			71	DVL	Vietnamese
17	LÊ MINH HOÀN	TD2	58-59	2	14			77	PSV	Vietnamese
18	TRƯỜNG THỂ NAM	TD2	66	1	5			60	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG TÂN NGHĨA	TD2	52	1	6			67	PSV	Vietnamese
20	TRẦN HUNG ANH	TD2	65	1	6			68	PSV	Vietnamese
21	DO TRONG HAI	TD2	55-56	2	15			79	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	1	134	1	17	0	0	0		
2	TD2	20	1.406	24	182	4	53	21		
TOTAL		21	1.540	25	199	4	53	21		
WEIGHT KG			1.540		199		53			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN THĂNG

PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:00
B.CARD: VÀNG-2	TO: RC5 - RC6 - MRM	CREW: LHM - THIẾU - TDUNG	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/4821	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐỖ XUÂN CÔNG	RC5	61-62	2	15	2	25	50	SGC	Vietnamese
2	HOANG QUỐC VAN	RC5	65-66	2	20			60	SGC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN XUAN	RC5	63-64	2	10			70	DK9	Vietnamese
4	DƯƠNG HOANG SƠN	RC6	28-30	3	20			70	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN MẠNH VƯƠNG	RC6	16-17	2	18			75	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	RC6	18-19	2	17			83	XAYLAP	Vietnamese
7	CAO TUẤN VŨ	RC6	33-34	2	20			63	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN KHANH HOANG	RC6	22-23	2	18			68	XAYLAP	Vietnamese
9	VŨ QUỐC HUY	RC6	24-25	2	19			71	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN HOANG KHANH	RC6	31-32	2	20			67	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN THỜI	MRM	22	1	13			67	XAYLAP	Vietnamese
12	MOSHKIN SERGEI	MRM	81-82	2	19			80	AMHP	Russian
13	KURSHEV SERGEI	MRM	80	1	9			77	AMHP	Russian
14	NIGMATZIANOV ILFAT	MRM	76-77	2	15			80	AMHP	Russian
15	ILMENTEV ANDREI(*)	MRM	75	1	15			59	AMHP	Russian
16	MUSIN AZAT	MRM	78	1	3	1	33	97	AMHP	Russian
17	SUVOROV IURII	MRM	83	1	5	1	21	119	AMHP	Russian
18	ĐỖ THUYẾT BĂNG	MRM	73	1	6			65	AMHP	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HÙNG	MRM	74	1	6			80	AMHP	Vietnamese
20	LAM VĂN NHÂN	MRM	72	1	12			65	AMHP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC5	3	180	6	45	2	25	1	2	CHUYEN 2 PAX RC5-RC6
2	RC6	7	497	15	132	0	0	0		
3	MRM	10	789	12	103	2	54	20		
TOTAL		20	1.466	33	280	4	79	21		
WEIGHT KG			1.466		280		79			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

LƯU THANH HẢI
LÊ TRUNG HIẾU





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: TRANG-3	TO: BK4 - P11	CREW: HÙNG - N.CƯƠNG - TÚ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM25/4816	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN ĐỨC HIỆP	BK4	28-29	2	19			65	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ QUÝ ĐÓN	BK4	25-26	2	18			72	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ HỒNG DUY	BK4	22	1	12	1	17	66	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN THĂNG	BK4	23-24	2	18			69	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ VIỆT QUANG	BK4	30	1	13	1	13	39	XAYLAP	Vietnamese
6	BUI NGỌC LAM	P11	34	1	8			75	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN THANH QUANG	P11	68	1	7			70	VIỆT PHÁT	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN DŨNG	P11	700	1	14			69	ANTOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN CHIẾN THĂNG	P11	98-99	2	11			62	ANTOAN	Vietnamese
10	TRẦN ĐẶC LIÊM	P11	95	1	13			85	ANTOAN	Vietnamese
11	VŨ VIỆT ANH	P11	70-71	2	9			70	XAYLAP	Vietnamese
12	TẠ VĂN CƯỜNG	P11	85-86	2	15			75	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐẶNG THANH BÌNH	P11	96-97	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN BA TIỀN	P11	98	1	15			69	XAYLAP	Vietnamese
15	HỒ TRUNG HAI	P11	30	1	8	1	15	61	XAYLAP	Vietnamese
16	LẠI XUÂN ĐƯỢC	P11	74-75	2	13			67	XAYLAP	Vietnamese
17	LŨU ĐỨC THỊNH	P11	33	1	8	1	17	68	XAYLAP	Vietnamese
18	VŨ QUANG TRƯỜNG	P11	76-77	2	20			77	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAN VĂN THOẠI	P11	99	1	15			73	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG ĐÌNH VINH	P11	73	1	16			68	XAYLAP	Vietnamese
21	BUI XUÂN ĐIỆP	P11	69	1	9			64	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐĂNG NGỌC	P11	97	1	5			76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK4	5	311	8	80	2	30	4		
2	P11	17	1.194	23	206	2	32	16		
TOTAL		22	1.505	31	286	4	62	20		
WEIGHT KG			1.505		286		62			

GRAND TOAL: 1.853 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
PHAN NHƯ CƯỜNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: RP1 - BK8 - P3	CREW: VTHẮNG - N.ANH - MQUÂN	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM25/4819	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	BUI MINH HIẾU	RP1	83-84	2	20			101	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN VĂN KHÁNH	RP1	100,99	2	22			71	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM VĂN BÌNH	RP1	85-86	2	22			75	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ HOÀI NGUYỄN	RP1	87-88	2	19			78	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI CÔNG ĐỊNH	RP1	89-90	2	22			105	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐÌNH QUANG DŨNG	RP1	79-80	2	24			65	XAYLAP	Vietnamese
7	HOANG VĂN NAM	RP1	93-94	2	16			57	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ NGỌC HAI	RP1	81-82	2	14			67	XAYLAP	Vietnamese
9	BUI KHÁC THUY	RP1	95-96	2	23			66	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG TUYẾN	RP1	97-98	2	22			70	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP1	91-92	2	18			60	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN XUÂN LỘC	BK8	51-52	2	23			62	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN NAM	BK8	47-48	2	17			66	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI KHÁC SƠN	BK8	45-46	2	22			68	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN VĂN PHƯỢNG	BK8	53-54	2	18			53	XAYLAP	Vietnamese
16	NINH VĂN SƠN	BK8	49-50	2	18			71	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	11	815	22	222	0	0	4		
2	BK8	5	320	10	98	0	0	4		
3	P3	0	0	0	0	1	2	8		
TOTAL		16	1.135	32	320	1	2	16		
WEIGHT KG			1.135		320		2			

GRAND TOAL: 1.457 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYỄN THỨC HÀ

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

NGÔ VĂN THẮNG
NGHIÊM VIỆT ANH

